TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 18 – 5 – 2020.
"V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hà Hùng Kiệt.

2/ Ông Nguyễn Văn Linh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Ngọc Trân, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cô Văn C, sinh năm 1931 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn:* Chị Cô Thị A, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Nhà T, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cô Văn C trình bày:

Vào ngày 01/4/2018, ông C có cho con gái là chị Cô Thị A vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Trong đó có 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) cho mượn không tính lãi. Còn lại 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) thì tính lãi 1,66%/tháng. Việc vay mượn tiền hai bên không có làm giấy tờ. Từ khi vay đến nay chị A chưa đóng lãi. Sau khi khởi kiện thì chị A có trả cho ông Chiêu được 200.100.000đ (Hai trăm triệu, một trăm nghìn đồng). Hiện nay chị A còn nợ ông C số tiền 199.900.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng).

Nay ông Cô Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc chị Cô Thị A trả số tiền nợ gốc 199.900.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng). Không yêu cầu tính lãi.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết án, bị đơn chị Cô Thị A trình bày:

Chị A thừa nhận ngày 15/5/2018, có mượn của cha là ông Cô Văn C số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) nhưng chị A đã trả được 50.100.000đ (Năm mươi triệu, một trăm nghìn đồng). Hiện nay chị A còn nợ lại số tiền 199.900.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng). Đây là số tiền mượn chứ không phải vay nên chị A chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ chứ không đồng ý trả số tiền lãi. Hiện nay chị A đang gặp khó khăn về kinh tế nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền còn nợ là 199.900.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng) là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn ông Cô Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Cô Thị A có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vay. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

- Tại phiên tòa hôm nay chị Cô Thị A mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị A.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng vay tài sản giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Do mối quan hệ là cha con nên hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

- Xét về quá trình thực hiện hợp đồng: Do các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có giấy tờ chứng minh. Mặc dù hai bên trình bày còn mâu thuẫn về số

tiền vay mượn ban đầu nhưng số tiền còn nợ lại hai bên thống nhất là 199.900.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị A có nợ ông C số tiền 199.900.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng) là sự thật.

[3] Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Đối với lời trình bày của ông C cho rằng số tiền trên ông C cho chị A vay có lãi từ ngày 01/4/2018. Còn chị A thì phủ nhận cho rằng đây là tiền mượn (vay không lãi). Do ông C không có giấy tờ chứng minh nên lời trình bày của ông C không được chấp nhận. Tòa án xác định đây thuộc trường hợp vay không kỳ hạn và không có lãi. Tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định: *"Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Tại phiên Tòa ông C trình bày, chị A hứa đến ngày 15/10/2019 sẽ trả dứt số tiền nợ nhưng khi đến hẹn thì chị A không thực hiện. Như vậy kể từ ngày 15/10/2019 chị A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó chị A phải chịu số tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự (10%/năm tương đương 0,833%/tháng). Tuy nhiên tại phiên tòa ông C có sự thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với luật định nên được chấp nhận. Như vậy chị Cô Thị A chỉ có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Cô Văn C số tiền 199.900.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu quan điểm về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 463, Điều 468, Điều 469; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cô Văn C.

2. Buộc chị Cô Thị A có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Cô Văn C số tiền 199.900.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Cô Văn C cho đến khi thi hành án xong đối với khoản tiền phải trả mà chị Cô Thị A chậm trả tiền thì chị A phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Cô Thị A phải nộp 9.995.000đ (Chín triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí.

- Ông Cô Văn C không phải chịu án phí. Ông C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng bị đơn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng